

Số: /2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**DỰ THẢO 3**

Kèm theo CV số /BCT-ĐTĐL  
ngày /01/2025 của Bộ Công Thương

**QUYẾT ĐỊNH****Quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; cơ chế giá điện phù hợp cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; cơ chế hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 50 Luật Điện lực năm 2024.

2. Quyết định này áp dụng đối với:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Đơn vị bán lẻ điện mua điện từ Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Đơn vị bán lẻ điện tại nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng điện.

**Điều 2. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện**

1. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện là bảng kê tỷ lệ phần trăm (%) của mức giá bán lẻ điện bình quân để tính giá bán lẻ điện cụ thể cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Trường hợp cơ cấu tiêu thụ điện thay đổi, căn cứ mức giá bán lẻ điện

bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền, giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện được phép điều chỉnh trong phạm vi  $\pm 2\%$  so với tỷ lệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện được xác định căn cứ mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

### **Điều 3. Giá bán lẻ điện**

1. Giá bán lẻ điện được quy định chi tiết cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện, bao gồm: sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp, sinh hoạt.

2. Giá bán lẻ điện theo các cấp điện áp: cao áp là cấp điện áp danh định trên 35 kV (bao gồm cấp điện áp trên 35 kV đến dưới 220 kV và cấp điện áp đến 220 kV), trung áp là cấp điện áp danh định trên 01 kV đến 35 kV, hạ áp là cấp điện áp danh định đến 01 kV áp dụng cho các nhóm khách hàng sử dụng điện mục đích sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp.

3. Giá bán lẻ điện theo thời gian sử dụng điện trong ngày cho mục đích sản xuất, kinh doanh tại các cấp điện áp được áp dụng đối với khách hàng sử dụng điện đủ điều kiện.

4. Giá bán lẻ điện cho nhóm khách hàng sử dụng điện mục đích sinh hoạt gồm 5 bậc có mức giá tăng dần nhằm khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả.

5. Áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia.

Chênh lệch chi phí của đơn vị điện lực do áp dụng giá bán điện thống nhất toàn quốc thấp hơn giá thành sản xuất kinh doanh điện được tính vào giá điện chung toàn quốc đối với các khu vực do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện; đối với khu vực không do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện, chênh lệch chi phí được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Trường hợp giá bán lẻ điện có nhiều thành phần áp dụng cho các nhóm khách hàng khi điều kiện kỹ thuật cho phép được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 4. Hỗ trợ tiền điện**

1. Hộ nghèo theo tiêu chí của quy định pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ được hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt, mức hỗ trợ hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành.

2. Hộ chính sách xã hội theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định (không thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện theo quy định tại khoản 1 Điều này) và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kWh được hỗ trợ tiền điện tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành.

3. Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định pháp luật. Đối với giai đoạn 2022-2025, Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo nguyên tắc quy định tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành giai đoạn 2022-2025.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định và hướng dẫn thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định bằng văn bản hành chính về khung giờ cao điểm, thấp điểm, giờ bình thường phù hợp với tình hình sử dụng điện của hệ thống điện trong từng giai đoạn.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan xây dựng tiêu chí hộ chính sách xã hội được hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc tính toán tiền hỗ trợ hằng năm cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo quy định tại Điều 4 Quyết định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện, kiểm tra việc hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

c) Bố trí ngân sách nhà nước hỗ trợ hằng năm cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội quy định tại Quyết định này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội;

b) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định;

c) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn.

#### **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện được tiếp tục áp dụng từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

## **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024, thay thế Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện và được áp dụng kể từ ngày thực hiện điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân gần nhất sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

3. Trường hợp hợp nhất Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tinh gọn, sắp xếp lại Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan mới thành lập từ việc hợp nhất, tinh gọn, sắp xếp lại các Bộ, cơ quan nêu trên kế thừa chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội liên quan tới Quyết định này sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

**Phụ lục**  
**CƠ CẤU BIỂU GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-TTg  
ngày tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Tỷ lệ so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền (%)
<b>1</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho sản xuất</b>	
<b>1.1</b>	<b>Cấp điện áp cao áp trên 35 kV</b>	
1.1.1	Cấp điện áp đến 220 kV	
	a) Giờ bình thường	84%
	b) Giờ thấp điểm	53%
	c) Giờ cao điểm	146%
1.1.2	Cấp điện áp từ trên 35 kV đến dưới 220 kV	
	a) Giờ bình thường	85%
	b) Giờ thấp điểm	54%
	c) Giờ cao điểm	151%
<b>1.2</b>	<b>Cấp điện áp trung áp (trên 01 kV đến 35 kV)</b>	
	a) Giờ bình thường	86%
	b) Giờ thấp điểm	56%
	c) Giờ cao điểm	157%
<b>1.3</b>	<b>Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV</b>	
	a) Giờ bình thường	93%
	b) Giờ thấp điểm	61%
	c) Giờ cao điểm	168%
<b>2</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho hành chính sự nghiệp</b>	
<b>2.1</b>	<b>Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục</b>	
2.1.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV)	90%
2.1.2	Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV	96%
<b>2.2</b>	<b>Chiếu sáng công cộng, đơn vị hành chính sự nghiệp</b>	
2.2.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV)	99%
2.2.2	Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV	103%
<b>3</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho kinh doanh</b>	
<b>3.1</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho cơ sở lưu trú du lịch</b>	

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Tỷ lệ so với mức giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo thẩm quyền (%)
4.1.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV)	
	a) Giờ bình thường	86%
	b) Giờ thấp điểm	56%
	c) Giờ cao điểm	157%
4.1.2	Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV	
	a) Giờ bình thường	93%
	b) Giờ thấp điểm	61%
	c) Giờ cao điểm	168%
<b>3.2</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho sạc xe điện</b>	
3.2.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV)	
	a) Giờ bình thường	118%
	b) Giờ thấp điểm	71%
	c) Giờ cao điểm	174%
3.2.2	Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV	
	a) Giờ bình thường	125%
	b) Giờ thấp điểm	75%
	c) Giờ cao điểm	195%
<b>3.3</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho các hộ kinh doanh khác</b>	
3.3.1	Cấp điện áp từ trung áp trở lên (trên 01 kV)	
	a) Giờ bình thường	133%
	b) Giờ thấp điểm	75%
	c) Giờ cao điểm	230%
3.3.2	Cấp điện áp hạ áp đến 01 kV	
	a) Giờ bình thường	145%
	b) Giờ thấp điểm	89%
	c) Giờ cao điểm	248%
<b>4</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho sinh hoạt</b>	
	Bậc 1: Cho kWh đến 100	90%
	Bậc 2: Cho kWh từ 101 - 200	108%
	Bậc 3: Cho kWh từ 201 - 400	136%
	Bậc 4: Cho kWh từ 401 - 700	162%
	Bậc 5: Cho kWh từ 701 trở lên	180%